

BÁO CÁO

Đánh giá kết quả triển khai Chương trình chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2013

Căn cứ Quyết định số 2048/QĐ-UBND ngày 16/8/2011 của UBND tỉnh phê duyệt Chương trình chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011-2015;

Căn cứ kế hoạch số 73/KH-BCĐ ngày 31/10/2011 của Ban Chỉ đạo chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp về việc triển khai thực hiện “Chương trình chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011-2015”;

Ban Chỉ đạo báo cáo UBND tỉnh tình hình triển khai thực hiện Chương trình năm 2013, kết quả đạt được sau 03 năm triển khai (2011 - 2013) chương trình như sau:

I. Thuận lợi, khó khăn

1. Thuận lợi

- Tình hình chính trị trong nước ổn định, nhà nước tiếp tục có nhiều chính sách cải cách kinh tế, chính sách đối ngoại, hội nhập kinh tế đã tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tìm kiếm và mở rộng thị trường xuất khẩu.

- Chính phủ cũng như chính quyền địa phương ngày càng tăng cường công tác đối thoại với doanh nghiệp, nhằm tìm ra các giải pháp cụ thể, thiết thực để tạo lập môi trường sản xuất kinh doanh thuận lợi, bình đẳng.

- Cả nước đang thực hiện chuyển đổi và tái cơ cấu kinh tế, do đó trong thời gian tới sẽ có nhiều chính sách, điều kiện sản xuất kinh doanh thay đổi cho phù hợp với quá trình tái cơ cấu kinh tế, tạo điều kiện thuận lợi cho các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp có giá trị gia tăng cao có điều kiện phát triển.

- Cơ sở vật chất kỹ thuật, kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội của Tỉnh, Vùng, cả nước từng bước được cải thiện, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đẩy mạnh sản xuất, xuất khẩu và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

- Được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời, quyết liệt của Tỉnh ủy, UBND tỉnh; sự phối hợp chặt chẽ giữa các Sở ngành, địa phương và sự nỗ lực của doanh nghiệp toàn ngành trong việc triển khai thực hiện Chương trình.

2. Khó khăn

- Mặc dù kinh tế thế giới có một vài dấu hiệu tích cực cho thấy các hoạt động kinh tế đang phục hồi trở lại sau suy thoái, nhưng triển vọng kinh tế toàn cầu nhìn chung chưa vững chắc, nhất là đối với các nền kinh tế phát triển.

Những yếu tố không thuận lợi từ thị trường thế giới tiếp tục ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội nước ta.

- Trong nước, các khó khăn, bất cập chưa được giải quyết gây áp lực lớn cho sản xuất kinh doanh, cụ thể là: Hàng tồn kho ở mức cao, sức mua yếu, tỷ lệ nợ xấu ngân hàng ở mức đáng lo ngại, nhiều doanh nghiệp phải thu hẹp sản xuất, dừng hoạt động hoặc giải thể...

- Nền kinh tế nước ta đang bước vào thời kỳ chuyển đổi và tái cơ cấu, nên những yếu tố tăng trưởng theo chiều rộng dần dần được tận khai, do đó các chính sách, điều kiện sản xuất kinh doanh cũng sẽ thay đổi cho phù hợp với quá trình tái cơ cấu kinh tế. Vì vậy, sẽ tác động không thuận lợi đến nhiều nhóm ngành công nghiệp, doanh nghiệp hiện hữu trên địa bàn cả nước nói chung và Đồng Nai nói riêng, điều này sẽ làm ảnh hưởng đến quá trình tăng trưởng sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Trong quá trình tổ chức triển khai các chính sách đến doanh nghiệp còn gặp khó khăn, đó là nhận thức của doanh nghiệp trong việc đăng ký hỗ trợ các chính sách của nhà nước chưa cao, rất nhiều doanh nghiệp không chịu khó tìm hiểu cơ chế hỗ trợ, cũng không cần biết khả năng, năng lực của đơn vị có triển khai được nội dung công việc đã đề ra, cứ thấy hỗ trợ là đăng ký, khi cơ quan nhà nước được giao nhiệm vụ liên lạc, thực hiện hồ sơ thủ tục hỗ trợ cho doanh nghiệp lại không triển khai được, gây lãng phí thời gian và công sức.

- Quy hoạch và đầu tư hạ tầng ở các cụm công nghiệp đã được quy hoạch trên địa bàn tỉnh còn chậm, ảnh hưởng đến việc đăng ký và triển khai dự án. Từ đó năng lực và nguồn vốn của nhà đầu tư không được khai thác tốt.

II. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện

1. Công tác tổ chức

- Tổ chức kiện toàn Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011-2015 theo Quyết định số 3580/QĐ-UBND ngày 04/11/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh.

- Ban hành Quy chế hoạt động của BCD thực hiện Chương trình chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011-2015 tại Quyết định số 153/QĐ-BCĐ ngày 25/12/2013 của Trưởng ban BCD.

- Kiện toàn Tổ Chuyên viên và ban hành Quy chế làm việc Tổ Chuyên viên giúp việc BCD thực hiện Chương trình chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011-2015 tại Quyết định số 152/QĐ-BCĐ ngày 25/12/2013 của Trưởng ban BCD.

2. Kết quả tham mưu các văn bản phục vụ việc tổ chức thực hiện

a) Xây dựng Nghị quyết chuyên đề về phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2015, định hướng đến năm 2020

- Tính đến nay, Sở Công Thương (cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo) đã hoàn chỉnh dự thảo (lần 6) Nghị quyết phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh báo cáo UBND tỉnh trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Phân tích làm rõ những thuận lợi, khó khăn và đề xuất chính sách ưu đãi để kiến nghị Chính phủ và các Bộ/ngành TW cho phép Đồng Nai thực hiện để có điều kiện phát triển mạnh công nghiệp hỗ trợ.

- Trao đổi kinh nghiệm với Sở Công Thương Bà Rịa - Vũng Tàu, Sở Công Thương Hải Phòng về chính sách phát triển khu công nghiệp chuyên sâu cơ khí chế tạo. Đến nay, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chưa thông qua Nghị quyết về CNHT do hiện nay một số bộ ngành TW chưa đồng ý cho Đồng Nai được áp dụng một số cơ chế chính sách đặc thù tại các phân khu công nghiệp hỗ trợ.

- Đã tổ chức Đoàn công tác tỉnh Đồng Nai đi làm việc về mô hình phát triển công nghiệp hỗ trợ tại tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc từ ngày 11-15/5/2014.

b) Tổ chức triển khai hình thành 03 phân khu công nghiệp hỗ trợ, gồm: Phân khu công nghiệp hỗ trợ Giang Điền (53ha/529ha); Phân khu công nghiệp hỗ trợ An Phước (47ha/201ha); Phân Khu công nghiệp hỗ trợ Nhơn Trạch 6 (100ha/315ha).

Về chính sách ưu đãi đầu tư vào các phân khu CNHT: Hiện nay, Bộ Công Thương đang tiến hành điều chỉnh bổ sung, thay thế Quyết định 12/2011/QĐ-TTG ngày 24/02/2011 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển một số ngành công nghiệp hỗ trợ và Quyết định 1483/QĐ-TTg ngày 28/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ về Danh mục sản phẩm CNHT ưu tiên phát triển nhằm hoàn thiện khung pháp lý chung về phát triển CNHT.

c) Xây dựng kế hoạch khảo sát, phân tích, đánh giá một số yếu tố tác động đến chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Nhằm nhận diện một số yếu tố môi trường tác động đến công tác thu hút các dự án đầu tư vào ngành công nghiệp, nhất là các ngành công nghiệp thiên về kỹ thuật, chất lượng cao, ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh, cụ thể một số yếu tố như: yếu tố về cơ sở hạ tầng, công tác quản lý và hỗ trợ của chính quyền địa phương, về việc hình thành và phát triển các cụm ngành, về chất lượng nguồn nhân lực, về vị trí địa lý,.... Cơ quan Thường trực BCD đã dự thảo Kế hoạch khảo sát, phân tích, đánh giá một số yếu tố tác động đến sự CDCC ngành công nghiệp, dự kiến triển khai kế hoạch khảo sát trong quý III-quý IV/2014.

d) Triển khai Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp cơ khí chế tạo trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, có xét đến năm 2025 đã được phê duyệt tại Quyết định số 4309/QĐ-UBND ngày 27/12/013 của UBND tỉnh nhằm thực hiện định hướng tái cơ cấu ngành công nghiệp cơ khí, đảm bảo phát triển ngành phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế của địa phương theo từng giai đoạn.

e) Phối hợp với Sở Nội vụ (Ban Thi đua Khen thưởng tỉnh) xây dựng hướng dẫn về việc xét chọn và tôn vinh danh hiệu, trao giải thưởng cho doanh nhân, doanh nghiệp tiêu biểu thuộc ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp có giá trị gia tăng cao trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

3. Công tác tổ chức tuyên truyền

- Tuyên truyền trên Đài Phát thanh Truyền hình Đồng Nai

+ Tập trung công tác tuyên truyền Chương trình nhằm xây dựng hình ảnh và giới thiệu bức tranh toàn cảnh ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh, giới thiệu tiềm năng, khả năng phát triển, thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh.

+ Kết quả đã thực hiện tuyên truyền 11 Chuyên đề theo kế hoạch.

- Tuyên truyền thông qua Hội nghị gặp gỡ DN ở cấp huyện

Trong năm 2013, một số huyện đã triển khai Chương trình tại Hội nghị gặp gỡ doanh nghiệp trên địa bàn, gồm: Định Quán, Thống Nhất, Tân Phú, Nhơn Trạch, Vĩnh Cửu, Trảng Bom; thị xã Long Khánh, Long Thành. Các huyện còn lại triển khai đến doanh nghiệp bằng hình thức gửi văn bản.

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức và tập huấn nâng cao năng lực sản xuất sạch hơn trong công nghiệp. Trong giai đoạn 2011-2013, đã tổ chức 04 lớp tập huấn về sản xuất sạch hơn cho 173 cơ sở sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

4. Công tác xúc tiến đầu tư

a) Triển khai định hướng thu hút đầu tư đến các ngành liên quan về định hướng thu hút đầu tư các ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh được theo Quyết định số 2048/QĐ-UBND ngày 16/8/2011 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Chương trình chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011-2015. Trong đó:

- Đối với ngành công nghiệp: chú trọng thu hút các ngành công nghiệp kỹ thuật cao, các ngành công nghiệp tạo ra sản phẩm có hàm lượng công nghệ và có giá trị gia tăng cao.

- Đối với thu hút đầu tư theo địa bàn:

+ Các địa phương thành phố Biên Hoà, thị xã Long Khánh, các huyện Long Thành, Nhơn Trạch, Trảng Bom, Vĩnh Cửu: ưu tiên phát triển nhóm ngành công nghiệp cơ khí, điện – điện tử, hóa chất.

+ Các địa phương Tân Phú, Định Quán, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Thống Nhất: ưu tiên phát triển nhóm ngành công nghiệp dệt may, giày dép, chế biến nông sản thực phẩm, chế biến gỗ,...

b) Hoạt động xúc tiến đầu tư

- Xúc tiến đầu tư Nhật Bản: Hội nghị xúc tiến đầu tư được tổ chức vào ngày 09/04/2013 tại tỉnh Hyogo Nhật Bản, kết quả Hội nghị đã thu hút được 138 nhà đầu tư Nhật Bản tham gia, sau hội nghị có nhiều nhà đầu tư Nhật bản đến tìm hiểu đầu tư tại tỉnh Đồng Nai.

- Xúc tiến đầu tư Ấn Độ: Tổ chức mời Đoàn doanh nghiệp Ấn Độ gồm 10 Đại biểu đến Đồng Nai thăm và làm việc tại Nhà máy chế biến thực phẩm Đồng Nai (D&F) và Tổng Công ty Tín Nghĩa.

- Xúc tiến đầu tư Đài Loan: Đoàn công tác của tỉnh đã giới thiệu môi trường đầu tư của tỉnh đến 100 đại biểu đại diện cho các tổ chức, doanh nghiệp Đài Loan tại Hội nghị thường niên doanh nghiệp Đài Loan khu vực Châu Á ngày 23/7/2013.

- Tiếp và làm việc với các Đoàn công tác nước ngoài đến Đồng Nai tìm hiểu cơ hội đầu tư, cụ thể:

+ Tháng 6/2013, tiếp Viện nghiên cứu và phát triển Thái Lan (TDRI) đến tìm hiểu cơ hội đầu tư tại Đồng Nai;

+ Tháng 8/2013 tiếp và làm việc với một số doanh nghiệp Hàn Quốc khảo sát vị trí đầu tư tại một số khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh;

+ Tháng 10/2013, tiếp Đoàn doanh nghiệp Hoa Kỳ do Phòng Thương mại và Công nghiệp Hoa Kỳ tổ chức tìm hiểu môi trường đầu tư tại Đồng Nai.

5. Kết quả tổ chức triển khai các chính sách hỗ trợ

a) Tổ chức rà soát các Cụm Công nghiệp trên địa bàn tỉnh

Kết quả rà soát tình hình quy hoạch các cụm công nghiệp đến năm 2020 gồm có 27 Cụm Công nghiệp với tổng diện tích quy hoạch là 1.449,31 ha, trong đó:

- 02 CCN về cơ bản hoàn chỉnh hạ tầng với diện tích 104,48 ha, phục vụ cho di dời các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng và gốm mỹ nghệ;

- Tập trung triển khai đầu tư hạ tầng trong giai đoạn 2013 - 2015 đối với 10 CCN đã có chủ đầu tư, với tổng diện tích quy hoạch là 620,23 ha, nếu nhà đầu tư nào chậm triển khai sẽ kiên quyết thu hồi chủ trương đầu tư để mời gọi nhà đầu tư khác.

- Tiếp tục giữ quy hoạch CCN trong giai đoạn 2016 - 2020 15 CCN với tổng diện tích 724,4 ha để mời gọi nhà đầu tư hạ tầng triển khai đầu tư trong giai đoạn 2016-2020.

b) Hỗ trợ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp theo Quyết định số 51/2011/QĐ-UBND ngày 16/8/2011 của UBND tỉnh:

Để sớm đưa cụm công nghiệp Phú Cường đi vào hoạt động, góp phần chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo địa bàn, tạo điều kiện cho công nghiệp trên địa bàn huyện Định Quán phát triển, nhằm đáp ứng mục tiêu Chương trình đã đề ra, UBND tỉnh Đồng Nai đã có Văn bản số 11405/UBND-KT ngày 30/12/2013 chấp thuận hỗ trợ cho Công ty cổ phần Đồng Tiến với số tiền là 5.000.000.000 đồng (năm tỷ đồng) để đầu tư xây dựng hạ tầng Cụm Công nghiệp Phú Cường tại xã Phú Cường, huyện Định Quán.

Tính đến thời điểm hiện nay, khối lượng thi công hạ tầng CCN Phú Cường đạt 70% so với hợp đồng đã ký giữa Công ty Công ty cổ phần Đồng Tiến với nhà thầu là Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây dựng Huy Hoàng. Hiện cụm công nghiệp Phú Cường đã thỏa thuận cho thuê lại đất 8ha, trong đó có một doanh nghiệp may mặc thuê 4 ha đang triển khai xây dựng nhà xưởng sản xuất, dự kiến hoàn thành và đi vào hoạt động trong quý II-III/2014, tạo việc làm cho khoảng 1.200 lao động, ngoài ra một số doanh nghiệp của Hồng Kông, Nhật Bản, Vinatex đã tới tham quan tìm hiểu, để xem xét thuê đất của cụm công nghiệp Phú Cường.

c) Hỗ trợ đầu tư chiều sâu, nâng cao năng lực cạnh tranh theo Quyết định số 51/2011/QĐ-UBND ngày 16/8/2011 của UBND tỉnh

Để góp phần nâng cao giá trị gia tăng các ngành công nghiệp hiện hữu, Chương trình còn tập trung hỗ trợ đầu tư chiều sâu, đổi mới nâng cao trình độ công nghệ, năng suất, chất lượng sản phẩm cho các doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Kết quả triển khai như sau:

- Hỗ trợ vay vốn với lãi suất ưu đãi từ Quỹ Bảo vệ môi trường để đầu tư các hạng mục công trình bảo vệ môi trường:

Năm 2013 đã cho 10 dự án vay với tổng số tiền là **31,055 tỷ đồng**, gồm: các dự án đầu tư xe ép rác chuyên dùng; Dự án đầu tư xây dựng công trình nhà máy XLNT tập trung; Dự án đầu tư hệ thống xử lý bụi và nước thải; Dự án đầu tư Lò đốt chất thải rắn công nghiệp; Dự án đầu tư thêm thiết bị mở rộng Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt; Dự án đầu tư 02 hố chôn lấp rác thải sinh hoạt và chất thải công nghiệp.

Nhìn chung, các dự án được Quỹ cho vay vốn đến nay đều phát huy được hiệu quả, góp phần đáng kể trong việc giảm thiểu, khắc phục ô nhiễm, bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, số lượng dự án được vay hỗ trợ từ Quỹ Bảo vệ môi trường còn ít, nhất các dự án ngành công nghiệp đầu tư sản xuất sản phẩm có sử dụng công nghệ thân thiện với môi trường.

- Nội dung hỗ trợ về khoa học công nghệ:

Tổng số đơn vị hỗ trợ: 53/78 đơn vị (trong đó 09 đơn vị năm 2012 chuyển sang), tổng kinh phí phê duyệt hỗ trợ: **1.611.140.000 đồng**. Nội dung hỗ trợ thuộc các Chương trình:

+ Chương trình hỗ trợ các doanh nghiệp áp dụng các công cụ quản lý tiên tiến và xây dựng tiêu chuẩn (hỗ trợ 10 đơn vị);

+ Chương trình hỗ trợ nghiên cứu sản phẩm mới, đổi mới công nghệ và tiết kiệm năng lượng (hỗ trợ 13 đơn vị);

+ Chương trình hỗ trợ các doanh nghiệp thực hiện bảo hộ sở hữu trí tuệ (hỗ trợ 30 đơn vị).

- Hỗ trợ phát triển thị trường

+ Hỗ trợ 273 doanh nghiệp tham gia công thương mại điện tử nhằm quảng bá thương hiệu, sản phẩm đồng thời tạo sự gắn kết các giao dịch thương mại cho doanh nghiệp;

+ Hỗ trợ 70 lượt doanh nghiệp chuyên sản xuất, kinh doanh các mặt hàng cà phê, bưởi, phân bón, đồ gỗ, thủ công mỹ nghệ, vật liệu xây dựng, hàng gia dụng tham gia gian hàng trong một số Hội chợ triển lãm tại các tỉnh Đồng Nai, Đắk Lắk, Lào Cai, thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội. Kết thúc Hội chợ, gian hàng của các doanh nghiệp tỉnh Đồng Nai thu hút hơn 256.200 lượt khách đến tham quan mua sắm, doanh thu tại hội chợ đạt 2.350 triệu đồng, các doanh nghiệp mở được 08 đại lý, ký 08 hợp đồng kinh tế trị giá 35.000 USD, 1.800 triệu đồng và ký được 04 bản ghi nhớ;

+ Hỗ trợ 11 lượt doanh nghiệp tham gia vào gian hàng chung của tỉnh Đồng Nai tại hội chợ của các quốc gia như: Lào, CHLB Đức. Gian hàng của tỉnh Đồng Nai đã thu hút được hơn 30.000 lượt khách đến tham quan mua sắm chủ yếu từ các quốc gia như Đức, Pháp, Hà Lan, Anh, Liên bang Nga, Đông Âu, Nam Mỹ, Nhật, doanh thu tại hội chợ đạt 300 triệu đồng, các doanh nghiệp ký được 05 hợp đồng trị giá 700.000 USD và một số đơn đặt hàng đang thỏa thuận về giá, mẫu mã hàng hóa trị giá 800.000 USD, mở được 06 đại lý bán hàng và sẽ mở 01 văn phòng đại diện tại Lào.

III. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu

1. Cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp

a) Nhóm ngành công nghiệp thiên về kỹ thuật, chất lượng cao

Năm 2013, giá trị sản xuất công nghiệp đạt 238.693 tỷ đồng (trong đó, ngành cơ khí đạt 100.949 tỷ đồng, ngành điện – điện tử đạt 66.123 tỷ đồng, ngành hóa chất đạt 71.620 tỷ đồng), chiếm 39,5% tổng giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp (trong đó ngành cơ khí chiếm 16,7%, ngành điện – điện tử chiếm 10,9%, ngành hóa chất chiếm 11,9%).

Giai đoạn 2011-2013, cơ cấu giá trị sản xuất nhóm ngành công nghiệp thiên về kỹ thuật, chất lượng cao có sự chuyển dịch từ mức 36,8% tại thời điểm cuối năm 2010 lên 39,5% tại thời điểm cuối năm 2013 (tăng 2,7%). Theo mục tiêu Chương trình chuyển dịch cơ cấu, đến năm 2015, tỷ trọng của nhóm ngành công nghiệp mũi nhọn phải đạt 44,4% trong cơ cấu toàn ngành công nghiệp.

Như vậy, trong 2 năm tiếp theo, tỷ trọng nhóm ngành này phải tăng thêm 4,9% trong cơ cấu toàn ngành công nghiệp. Điều này, cho thấy sự chuyển dịch ngày chưa tương xứng với sự chuyển dịch cơ cấu vốn đăng ký đầu tư, nguyên nhân do nhiều dự án đăng ký đầu tư trong giai đoạn 2011-2013 còn đang trong giai đoạn đầu tư, chưa đi vào hoạt động và một số sự án chưa phát huy được hết công suất.

b) Nhóm ngành công nghiệp ưu tiên

Năm 2013, giá trị sản xuất công nghiệp đạt 365.527 tỷ đồng (trong đó, Chế biến NSTP đạt 140.003 tỷ đồng, Dệt, may, giày, dép đạt 146.120 tỷ đồng, Chế biến gỗ đạt 40.511 tỷ đồng, Khai khoáng và SX VLXD đạt 23.288 tỷ đồng, Sx giấy, sp từ giấy đạt 9.599 tỷ đồng, Điện nước đạt 6.006 tỷ đồng), chiếm 60,5% tổng giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp (trong đó, chế biến NSTP chiếm 23,2%, Dệt, may, giày, dép chiếm 24,2%, Chế biến gỗ chiếm 6,7%, Khai khoáng và SX VLXD chiếm 3,9%, Sx giấy, sp từ giấy chiếm 1,6%, Điện nước chiếm 1%).

Giai đoạn 2011-2013, cơ cấu giá trị sản xuất nhóm ngành công nghiệp ưu tiên có xu hướng giảm từ chiếm 63,2% tổng giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp tại thời điểm cuối năm 2010, xuống còn 60,5% tại thời điểm cuối năm 2013 (giảm 2,7%). Hiện nay, tỷ trọng nhóm ngành công nghiệp ưu tiên vẫn chiếm cao trong cơ cấu và đang đóng góp chính vào sự nghiệp phát triển ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2. Tăng trưởng GTSXCN (GO), giá trị gia tăng (VA)

a) Tốc độ tăng trưởng bình quân giá trị sản xuất công nghiệp (GO) toàn ngành công nghiệp năm 2013 là 16,2%, giai đoạn 2011-2013 tăng 16,8%/năm. Trong đó:

- Nhóm ngành công nghiệp thiên về kỹ thuật, chất lượng cao tăng bình quân ở mức cao hơn mức tăng của toàn ngành công nghiệp, năm 2013 tăng 18,6%, giai đoạn 2011-2013 tăng 17,9%/năm.

- Nhóm ngành công nghiệp ưu tiên có mức tăng trưởng bình quân đạt thấp hơn so với mức tăng bình quân của toàn ngành và nhóm ngành công nghiệp thiên về kỹ thuật, chất lượng cao, năm 2013 tăng 14,7%, giai đoạn 2011-2013 tăng 16,1%/năm.

b) Tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng

Tốc độ tăng trưởng bình quân giá trị tăng thêm (VA) đạt ở mức cao hơn tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp (GO): năm 2013 tăng 16,7%, giai đoạn 2011-2013 tăng 19%/năm. Cụ thể:

- Nhóm ngành công nghiệp thiên về kỹ thuật, chất lượng cao tăng bình quân ở mức cao hơn mức tăng của toàn ngành công nghiệp, năm 2013 tăng 17,5%, giai đoạn 2011-2013 tăng 19,9%/năm.

- Nhóm ngành công nghiệp ưu tiên có mức tăng trưởng bình quân đạt thấp hơn so với mức tăng bình quân của toàn ngành và nhóm ngành công nghiệp thiên về kỹ thuật, chất lượng cao, năm 2013 tăng 16,3%, giai đoạn 2011-2013 tăng 18,6%/năm.

Tốc độ tăng trưởng giá trị tăng thêm (VA) cao hơn tốc độ tăng trưởng của giá trị sản xuất (GO), sự tăng trưởng này nói lên hiệu quả sản xuất của xã hội đang trên đà tăng trưởng tốt, đảm bảo cho sự tăng trưởng kinh tế bền vững.

3. Tỷ lệ giá trị gia tăng/giá trị sản xuất công nghiệp

- Nhóm ngành công nghiệp thiên về kỹ thuật, chất lượng

Tỷ lệ giá trị gia tăng/giá trị sản xuất công nghiệp giai đoạn 2011-2013 có xu hướng tăng nhẹ, tỷ lệ VA/GO năm 2011 đạt 11,01%, thấp hơn so với tỷ trọng VA/GO toàn ngành công nghiệp (12,24%); đến năm 2013 tăng lên 11,38% (tăng thêm 0,37%), thấp hơn so với tỷ trọng VA/GO toàn ngành công nghiệp (12,7%).

- Nhóm ngành công nghiệp ưu tiên

Tỷ lệ giá trị gia tăng/giá trị sản xuất công nghiệp giai đoạn 2011-2013 cũng có xu hướng tăng nhẹ, tỷ lệ VA/GO năm 2011 đạt 13,01%, cao hơn so với tỷ trọng VA/GO toàn ngành công nghiệp (12,24%); đến năm 2013 tăng lên 13,56% (tăng thêm 0,55%), cao hơn so với tỷ trọng VA/GO toàn ngành công nghiệp (12,7%).

Qua số liệu trên cho thấy tỷ lệ phần giá trị tăng thêm của ngành công nghiệp trong giá trị sản xuất công nghiệp còn quá nhỏ, điều này thể hiện ngành công nghiệp của tỉnh còn mang nặng tính chất gia công, lắp ráp.

IV. Kết quả thực hiện thu hút đầu tư

- Thu hút đầu tư FDI: Tính đến thời điểm tháng 31/12/2013, tổng số dự án đăng ký đầu tư FDI vào ngành công nghiệp tại các khu công nghiệp là 903 dự án, với tổng vốn đăng ký đầu tư là 15,7 tỷ USD. Trong đó năm 2013, thu hút được 72 dự án, với tổng vốn đăng ký đầu tư là 694 triệu USD.

- Thu hút đầu tư trong nước: Tính đến thời điểm tháng 31/12/2013, tổng số dự án đăng ký đầu tư trong nước vào ngành công nghiệp tại các khu công nghiệp là 261 dự án, với tổng vốn đăng ký đầu tư là 21.608,6 tỷ đồng. Trong đó năm 2013, thu hút được 12 dự án, với tổng vốn đăng ký đầu tư là 1.546 tỷ đồng.

Kết quả thu hút đầu tư tại các khu công nghiệp phân theo từng lĩnh vực như sau:

1. Lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ

a) Kết quả thu hút đầu tư

Năm 2013, thu hút được 20 dự án (ngành CNHT cơ khí chế tạo 2 dự án, CNHT da - giày 2 dự án, CNHT dệt - may 7 dự án, CNHT điện tử 2 dự án, CNHT ô tô 7 dự án), với tổng vốn đăng ký là 0,382 tỷ USD, chiếm 55,1% tổng vốn FDI đầu tư vào ngành công nghiệp (CNHT cơ khí chế tạo chiếm 0,3%, CNHT da - giày chiếm 3,4%, CNHT dệt - may chiếm 20,5%, CNHT điện tử chiếm 1%, CNHT ô tô chiếm 74,8%).

Tính đến 31/12/2013, số dự án đăng ký đầu tư vào nhóm ngành công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển theo Quyết định số 1483/QĐ-TTg ngày 26/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ là **265 dự án** (trong đó ngành CNHT cơ khí chế tạo là 16 dự án, CNHT da - giày là 49 dự án, CNHT dệt - may là 77 dự án, CNHT điện tử là 21 dự án, CNHT ô tô là 102 dự án). Tổng vốn đăng ký đầu tư là 7,27 tỷ USD, chiếm 46,2% tổng vốn đăng ký đầu tư FDI vào ngành công nghiệp (trong đó, CNHT cơ khí chế tạo chiếm 2,5%, CNHT da - giày chiếm 15,7%, CNHT dệt - may chiếm 55,4%, CNHT điện tử chiếm 6,5%, CNHT ô tô chiếm 19,8%). Vốn thực hiện đạt 5,24 tỷ USD, đạt 72% vốn đăng ký.

b) Đánh giá chung

Nhìn chung, trong thời gian qua, công nghiệp hỗ trợ (CNHT) trên địa bàn tỉnh Đồng Nai hình thành và phát triển sớm trước khi Trung ương ban hành các chính sách về phát triển CNHT, cụ thể là đến ngày 26/8/2011 Thủ tướng Chính phủ mới ban hành Quyết định số 1483/QĐ-TTg ban hành danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển. Đến nay, CNHT trên địa bàn tỉnh tiếp tục phát triển mạnh, thu hút nhiều doanh nghiệp FDI tham gia phát triển CNHT, trong đó tập trung vào CNHT của 3 ngành công nghiệp lớn, đó là: ngành công nghiệp cơ khí; công nghiệp điện - điện tử và công nghiệp dệt may, giày dép. Tỷ trọng vốn đăng ký đầu tư vào CNHT của 3 nhóm ngành này chiếm 46,2% tổng vốn đăng ký đầu tư FDI vào ngành công nghiệp. Điều này cho thấy CNHT Đồng Nai đang đóng vai trò hết sức quan trọng trong phát triển công nghiệp của tỉnh theo hướng hiện đại và bền vững.

Cơ cấu vốn đăng ký đầu tư vào các nhóm ngành CNHT có sự chuyển dịch đáng kể, nhóm CNHT cơ khí ô tô, điện - điện tử trong giai đoạn 2011-2013 có sự gia tăng mạnh, CNHT cơ khí ô tô giai đoạn từ 2010 trở về trước chỉ chiếm 16,7% trong cơ cấu vốn FDI, sang giai đoạn 2011-2013 chiếm đến 60,2%, trong năm 2013 chiếm đến 74,8%; CNHT điện - điện tử giai đoạn 2010 trở về trước chiếm 6,5% trong cơ cấu vốn FDI, sang giai đoạn 2011-2013 chiếm 7,4%.

2. Lĩnh vực công nghiệp thiên về kỹ thuật, chất lượng cao (nhóm ngành công nghiệp mũi nhọn)

Nhóm ngành công nghiệp thiên về kỹ thuật, chất lượng cao theo Chương trình gồm các ngành: công nghiệp cơ khí; điện - điện tử; hóa chất. Kết quả thu hút đầu tư phân theo khu vực như sau:

a) Khu vực doanh nghiệp FDI

Năm 2013 thu hút được 32 dự án (ngành cơ khí 22 dự án, điện – điện tử 2 dự án, hóa chất 8 dự án), vốn đăng ký đầu tư đạt 0,37 tỷ USD, chiếm 53,1% (ngành cơ khí chiếm 45,8%, điện – điện tử chiếm 0,6%, hóa chất chiếm 6,8%). Tính đến thời điểm 31/12/2013, tổng số dự án đăng ký đầu tư vào nhóm ngành này là **527 dự án**, với tổng vốn đăng ký đầu tư là 7 tỷ USD, chiếm 44,5% tổng vốn đăng ký đầu tư, vốn thực hiện đạt 4,77 tỷ USD, đạt 68,2% vốn đăng ký.

b) Khu vực doanh nghiệp trong nước:

Năm 2013 thu hút được 6 dự án (ngành cơ khí 2 dự án, điện – điện tử 1 dự án, hóa chất 3 dự án), vốn đăng ký đầu tư đạt 1.130,4 tỷ đồng, chiếm 73,1% (ngành cơ khí chiếm 7,4%, điện – điện tử chiếm 6,5%, hóa chất chiếm 59,3%). Tính đến thời điểm 31/12/2013, tổng số dự án đăng ký đầu tư vào nhóm ngành này là **112 dự án**, với tổng vốn đăng ký đầu tư là 10.518 tỷ đồng, chiếm 48,7% tổng vốn đăng ký đầu tư, vốn thực hiện đạt 3.183 tỷ đồng, đạt 30,3% vốn đăng ký.

c) Đánh giá chung

Nhìn chung, trong giai đoạn 2011-2013, cơ cấu vốn đăng ký đầu tư vào nhóm ngành công nghiệp thiên về kỹ thuật, chất lượng cao có sự chuyển dịch đáng kể, nhất là nguồn vốn đăng ký đầu tư FDI, giai đoạn từ năm 2010 trở về trước, cơ cấu vốn đăng ký đầu tư FDI vào nhóm ngành thiên về kỹ thuật, chất lượng cao chỉ chiếm 42%, trong giai đoạn 2011-2013 đã có sự thay đổi rất lớn, cơ cấu vốn đăng ký đầu tư nhóm ngành công nghiệp thiên về kỹ thuật, chất lượng cao đã chiếm ưu thế, ở mức 62,6% trong cơ cấu vốn đăng ký đầu tư FDI tại các khu công nghiệp. Năm 2013, cơ cấu vốn đăng ký đầu tư FDI vẫn tiếp tục duy trì ở mức cao, chiếm 53,1%.

Đối với khu vực đăng ký đầu tư trong nước, cơ cấu vốn đăng ký đầu tư năm 2013 có sự chuyển dịch đáng kể, giai đoạn từ năm 2010 trở về trước chiếm 49,7%, nhưng trong giai đoạn 2011-2013 giảm xuống còn 45,4% trong cơ cấu vốn đăng ký đầu tư khu vực trong nước, đến năm 2013 cơ cấu vốn đăng ký đầu tư tăng lên đáng kể, chiếm 73,1%.

Điều này thể hiện xu hướng phát triển các ngành công nghiệp thiên về kỹ thuật, chất lượng cao đang phát triển đúng định hướng mà BCH Đảng bộ tỉnh đã đề ra. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển nhóm ngành công nghiệp thiên về kỹ thuật, chất lượng cao còn tồn tại một số vấn đề sau:

- Quy mô vốn đăng ký đầu tư bình quân cho một dự án thuộc nhóm ngành công nghiệp thiên về kỹ thuật, chất lượng cao đạt 13,3 triệu USD/dự án, thấp hơn so với mức bình quân chung của tỉnh (17,5 triệu USD/dự án). Cho thấy nhóm ngành công nghiệp thiên về kỹ thuật, chất lượng cao còn thực hiện gia công, lắp ráp, sử dụng nhiều lao động.

- Các dự án công nghệ cao, công nghệ nguồn, có hàm lượng chất xám, khoa học cao... đầu tư vào địa bàn tỉnh còn rất ít (chỉ thu hút được 03 dự án đầu tư thuộc danh mục sản phẩm công nghệ cao). Nguyên nhân chủ yếu của vấn đề này là do những điều kiện về nguồn nhân lực, chi phí về cơ sở hạ tầng

cả nước nói chung, luồng chuyển giao công nghệ hiện đại của các nước phát triển cũng chưa thực sự hướng nhiều tới các nước đang phát triển.

3. Nhóm ngành công nghiệp ưu tiên

a) Khu vực doanh nghiệp FDI

Năm 2013 thu hút được 40 dự án (Dệt, may, giày dép 14 dự án, CN chế biến, chế tạo khác 10 dự án, Chế biến NSTP 8 dự án, Giấy, sp từ giấy 5 dự án, Chế biến gỗ 3 dự án), vốn đăng ký đầu tư đạt 0,33 tỷ USD, chiếm 46,9% (Dệt, may, giày dép chiếm 13,9%, CN chế biến, chế tạo khác chiếm 21,1%, Chế biến NSTP chiếm 7,6%, Giấy, sp từ giấy chiếm 3,7%, Chế biến gỗ chiếm 0,4%). Tính đến thời điểm 31/12/2013, tổng số dự án đăng ký đầu tư vào nhóm ngành này là **372 dự án**, với tổng vốn đăng ký đầu tư là 8,7 tỷ USD, chiếm 55,5% tổng vốn đăng ký đầu tư, vốn thực hiện đạt 6,4 tỷ USD, đạt 73,6% vốn đăng ký.

b) Khu vực doanh nghiệp trong nước

Năm 2013 thu hút được 6 dự án (ngành dệt, may, giày dép 3 dự án, Chế biến gỗ 2 dự án, Chế biến NSTP 1 dự án), vốn đăng ký đầu tư đạt 416 tỷ đồng, chiếm 26,9% (ngành dệt, may, giày dép chiếm 18,1%, Chế biến gỗ chiếm 3,6%, Chế biến NSTP chiếm 5,2%). Tính đến thời điểm 31/12/2013, tổng số dự án đăng ký đầu tư vào nhóm ngành này là **149 dự án**, với tổng vốn đăng ký đầu tư là 11.091 tỷ đồng, chiếm 51,3% tổng vốn đăng ký đầu tư, vốn thực hiện đạt 3.932,6 tỷ đồng, đạt 35,5% vốn đăng ký.

c) Đánh giá chung

Nhìn chung, giai đoạn 2011-2013, cơ cấu vốn đăng ký đầu tư vào nhóm ngành công nghiệp ưu tiên có xu hướng giảm, nguyên nhân giảm do ưu tiên thu hút đầu tư nhóm ngành công nghiệp thiên về kỹ thuật, chất lượng cao theo định hướng phát triển chung của tỉnh:

- Đối với khu vực FDI, cơ cấu vốn đăng ký đầu tư từ chiếm 58% tổng vốn đầu tư FDI giai đoạn năm 2010 trở về trước giảm xuống còn 37,4% tổng vốn FDI giai đoạn 2011-2013 (riêng năm 2013 chiếm 46,9%).

- Đối với khu vực trong nước, năm 2013 cơ cấu vốn đăng ký đầu tư giảm mạnh, từ chiếm 50,3% tổng vốn đăng ký đầu tư năm 2010 trở về trước, tăng lên chiếm 54,6% tổng vốn đăng ký khu vực trong nước giai đoạn 2011-2013, nhưng năm 2013 chỉ chiếm 26,9%.

4. Kết quả chuyển dịch theo địa bàn

a) Kết quả thu hút đầu tư khu vực FDI tại các KCN

- Năm 2013 thu hút được 72 dự án, tổng vốn đăng ký đầu tư là 0,69 tỷ USD (trong đó, Long Thành chiếm 70%, Nhơn Trạch chiếm 15,9%, Biên Hòa chiếm 8,6%, Trảng Bom chiếm 4,6%, Xuân Lộc chiếm 0,5%, Long Khánh chiếm 0,3%, Vĩnh Cửu chiếm 0,1%).

- Tính đến thời điểm tháng 12/2013, tổng số dự án khu vực FDI đầu tư vào ngành công nghiệp tại các khu công nghiệp là 899 dự án, tập trung chủ yếu ở các địa bàn thành phố Biên Hòa, Long Thành, Nhơn Trạch, Trảng Bom. Tổng số dự án thuộc 04 địa bàn này là 883 dự án, vốn đăng ký đầu tư là 15,4

tỷ USD, chiếm 98,1% vốn đầu tư FDI toàn ngành công nghiệp tại các khu công nghiệp (Trong đó: Biên Hòa chiếm 36,1%, Nhơn Trạch chiếm 38,8%, Long Thành chiếm 15,2%, Trảng Bom 8%).

b) Kết quả thu hút đầu tư khu vực trong nước tại các KCN

- Năm 2013 thu hút được 12 dự án, tổng vốn đăng ký đầu tư là 1.546,4 tỷ đồng (trong đó, Thống Nhất chiếm 46,4%, Long Thành chiếm 28,3%, Biên Hòa chiếm 15,2%, Nhơn Trạch chiếm 7,8%, Trảng Bom chiếm 2,3%)

- Tính đến thời điểm tháng 12/2013, tổng số dự án đăng ký đầu tư là 261 dự án, tập trung chủ yếu ở huyện Nhơn Trạch, thành phố Biên Hòa, Long Thành, Trảng Bom, Thống Nhất, Định Quán. Tổng số dự án thuộc 06 địa bàn này là 252 dự án, vốn đăng ký đầu tư tại các địa bàn này là 21.453 tỷ đồng, chiếm 99,3% vốn đầu tư trong nước tại các khu công nghiệp (Trong đó: Nhơn Trạch chiếm 48,5%, Biên Hòa chiếm 33,5%, Long Thành chiếm 8,3%, Trảng Bom 3,7%, Thống Nhất chiếm 3,6%, Định Quán chiếm 1,8%).

c) Đánh giá chung

- Nhìn chung, trong thời gian qua, phân bố các dự án đầu tư ngành công nghiệp theo địa bàn chủ yếu tập trung ở 04 địa phương: thành phố Biên Hòa, huyện Nhơn Trạch, Long Thành, Trảng Bom.

- Đối với khu vực FDI, giai đoạn 2011-2013 có sự chuyển dịch mạnh cơ cấu vốn đăng ký đầu tư theo hướng giảm dần tỷ trọng vốn đăng ký đầu tư FDI địa bàn tp Biên Hòa, từ chiếm 37,8% giai đoạn năm 2010 về trước, giai đoạn 2011-2013 giảm xuống còn 23,3%; Tăng nhanh cơ cấu vốn đăng ký đầu tư tại địa bàn huyện Long Thành, từ chiếm 10% giai đoạn 2010 về trước lên 54,7% giai đoạn 2011-2013. Trong năm 2013, 4 địa bàn thu hút được nhiều vốn đầu tư FDI là huyện Long Thành, chiếm 70%, Nhơn Trạch chiếm 15,9%, Biên Hòa chiếm 8,6%, Trảng Bom chiếm 4,6%. Điều này cho thấy sự chuyển dịch cơ cấu vốn đầu tư FDI vẫn tập trung tại 4 địa phương có công nghiệp phát triển mạnh, các địa phương còn lại chưa có sự chuyển dịch đáng kể nguồn vốn đầu tư FDI. Do vậy áp lực phát triển công nghiệp tại 04 địa bàn này là rất lớn, nhất là sự thiếu hụt lớn về nguồn lao động.

- Đối với khu vực đầu tư trong nước, giai đoạn 2011-2013 có sự chuyển dịch mạnh cơ cấu vốn đăng ký đầu tư theo hướng giảm dần tỷ trọng vốn đăng ký đầu tư tại địa bàn tp Biên Hòa, từ chiếm 40,1% giai đoạn năm 2010 về trước, giai đoạn 2011-2013 giảm xuống còn 12,2%; Tăng nhanh cơ cấu vốn đăng ký đầu tư tại địa bàn huyện Nhơn Trạch, từ chiếm 46,3% giai đoạn 2010 về trước tăng lên 55,5% giai đoạn 2011-2013, địa bàn huyện Long Thành từ chiếm 6,3% giai đoạn 2010 về trước tăng lên 14,7% giai đoạn 2011-2013, huyện Thống Nhất từ chiếm 0,3% giai đoạn 2010 trở về trước tăng lên 14% giai đoạn 2011-2013.

V. Đánh giá những mặt đạt được, chưa đạt và nguyên nhân

1. Những mặt đạt được

Kết quả triển khai chương trình chuyển dịch cơ cấu trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua đạt được một số kết quả bước đầu: Các ngành công nghiệp đang dần dần được cơ cấu lại, hướng vào các ngành có hàm lượng khoa học

và công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp sạch ít gây ô nhiễm môi trường, tiết kiệm năng lượng, năng suất lao động cao, giá trị gia tăng lớn; giảm các ngành sản xuất gia công, thâm dụng lao động, ô nhiễm môi trường.

Điểm đáng chú ý là nhóm ngành công nghiệp thiên về kỹ thuật, chất lượng cao hay còn gọi là nhóm ngành công nghiệp mũi nhọn (gồm các ngành công nghiệp cơ khí; điện – điện tử; hóa chất) tính đến thời điểm 31/12/2013 đã thu hút được 527 dự án FDI vào các khu công nghiệp (KCN) trên địa bàn tỉnh, vốn đăng ký đầu tư là 7 tỷ USD; riêng giai đoạn 2011-2013, thu hút được 74 dự án, vốn đăng ký đầu tư là 1,2 tỷ USD. Đối với khu vực trong nước, thu hút được 112 dự án vào các KCN, với tổng vốn đăng ký đầu tư là 10.518 tỷ đồng; riêng giai đoạn 2011-2013 thu hút được 14 dự án, vốn đăng ký đầu tư đạt 2.329,7 tỷ đồng.

Công nghiệp hỗ trợ (CNHT) trên địa bàn tỉnh tiếp tục phát triển mạnh, thu hút nhiều doanh nghiệp FDI tham gia phát triển CNHT. Tính đến 31/12/2013, số dự án đăng ký đầu tư vào nhóm ngành công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển theo Quyết định số 1483/QĐ-TTg ngày 26/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ là **265 dự án**, vốn đăng ký đầu tư là 7,27 tỷ USD. Riêng giai đoạn 2011-2013 thu hút được **37 dự án**, với tổng vốn đăng ký đầu tư là 526 triệu USD.

Cơ cấu vốn đăng ký đầu tư vào nhóm ngành công nghiệp thiên về kỹ thuật, chất lượng cao có sự chuyển dịch đáng kể, nhất là nguồn vốn đăng ký đầu tư FDI, giai đoạn từ năm 2010 trở về trước, cơ cấu vốn đăng ký đầu tư FDI vào nhóm ngành thiên về kỹ thuật, chất lượng cao chỉ chiếm 42%, trong giai đoạn 2011-2013 đã có sự thay đổi rất lớn, cơ cấu vốn đăng ký đầu tư nhóm ngành công nghiệp thiên về kỹ thuật, chất lượng cao đã chiếm ưu thế, ở mức 62,6% trong cơ cấu vốn đăng ký đầu tư FDI tại các khu công nghiệp. Năm 2013, cơ cấu vốn đăng ký đầu tư FDI vẫn tiếp tục duy trì ở mức cao, chiếm 53,1%. Điều này thể hiện xu hướng phát triển các ngành công nghiệp thiên về kỹ thuật, chất lượng cao đang phát triển đúng định hướng mà BCH Đảng bộ tỉnh đã đề ra. Cơ cấu giá trị sản xuất nhóm ngành công nghiệp thiên về kỹ thuật, chất lượng cao có sự chuyển dịch từ mức 36,8% tại thời điểm cuối năm 2010 lên 39,5% tại thời điểm cuối năm 2013 (tăng 2,7%).

Theo mục tiêu Chương trình chuyển dịch cơ cấu, đến năm 2015, tỷ trọng của nhóm ngành công nghiệp mũi nhọn phải đạt 44,4% trong cơ cấu toàn ngành công nghiệp, tức là trong 2 năm tiếp theo, tỷ trọng nhóm ngành này phải tăng thêm 4,9% trong cơ cấu toàn ngành công nghiệp. Với cơ cấu thu hút đầu tư trong giai đoạn 2011-2013, khả năng các dự án đang trong giai đoạn đầu tư chưa đi vào hoạt động và một số sự án đang thực hiện sản xuất thử, dự án chưa phát huy được hết công suất sẽ phát huy công suất, hoạt động có hiệu quả, đóng góp với tăng trưởng và thúc đẩy cơ cấu nhóm ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh hoàn thành mục tiêu đã đề ra.

Cơ cấu công nghiệp chuyển dịch theo địa bàn cũng đã thể hiện rõ nét đối với 4 địa phương có công nghiệp phát triển mạnh (gồm Biên Hòa, Long Thành, Nhơn Trạch, Trảng Bom) theo hướng giảm cơ cấu vốn đăng ký đầu tư vào địa bàn thành phố Biên Hòa, tăng nhanh cơ cấu đăng ký đầu tư đối với 3

địa phương còn lại. Cụ thể, giai đoạn 2011-2013 có sự chuyển dịch mạnh cơ cấu vốn đăng ký đầu tư theo hướng giảm dần tỷ trọng vốn đăng ký đầu tư FDI địa bàn tp Biên Hòa, từ chiếm 37,8% giai đoạn năm 2010 về trước, giai đoạn 2011-2013 giảm xuống còn 23,3%; Tăng nhanh cơ cấu vốn đăng ký đầu tư tại địa bàn huyện Long Thành, từ chiếm 10% giai đoạn 2010 về trước lên 54,7% giai đoạn 2011-2013. Trong năm 2013, 4 địa bàn thu hút được nhiều vốn đầu tư FDI là huyện Long Thành, chiếm 70%, Nhơn Trạch chiếm 15,9%, Biên Hòa chiếm 8,6%, Trảng Bom chiếm 4,6%.

Chương trình chuyển dịch cơ cấu công nghiệp đã góp phần tích cực, quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế tỉnh Đồng Nai theo đúng định hướng Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ IX đề ra, từng bước chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế từ phát triển theo chiều rộng dựa vào tăng vốn đầu tư, khai thác tài nguyên và nguồn lao động chất lượng thấp sang phát triển theo chiều sâu, lấy chất lượng tăng trưởng là động lực chủ yếu để phát triển các ngành, lĩnh vực trên cơ sở áp dụng những thành tựu mới về khoa học, công nghệ, ít gây ô nhiễm môi trường, nguồn nhân lực chất lượng cao và kỹ năng quản lý hiện đại.

Mặc dù Chương trình chuyển dịch cơ cấu công nghiệp đã được một số kết quả quan trọng, tuy nhiên qua kết quả cho thấy sự chuyển dịch thiếu vững chắc và chưa đạt được mục tiêu đề ra, điều này được thể hiện qua những tồn tại, hạn chế sau:

2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Sự chuyển dịch cơ cấu nội bộ các ngành công nghiệp còn chậm, kết quả chuyển dịch chưa đạt hiệu quả về chiều sâu, nhiều doanh nghiệp hoạt động ngành công nghiệp còn thực hiện gia công, phụ thuộc, chưa chủ động hoạt động sản xuất của doanh nghiệp.

Việc khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn lực của đầu tư nước ngoài chưa cao, mặc dù các dự án FDI thuộc nhóm ngành công nghiệp mũi nhọn thu hút được trong giai 2011-2013 có gia tăng nhưng phần lớn các dự án FDI thu hút được trong thời gian qua vẫn có xu hướng tập trung vào việc khai thác tiềm năng, nguồn lực sẵn có về đất đai, lao động..., chưa có nhiều dự án đầu tư FDI thuộc danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển theo Quyết định số 49/2010/QĐ-TTg ngày 19/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ, đến nay vẫn chưa định hình các cơ chế, chính sách cụ thể để phát triển các sản phẩm công nghệ hỗ trợ trong nước hay phân phối ra nước ngoài.

- Sự chuyển dịch cơ cấu công nghiệp về vùng nông thôn, về địa bàn các huyện có công nghiệp chậm phát triển (Tân Phú, Định Quán, Cẩm Mỹ, Thống Nhất, Xuân Lộc) chưa thể hiện rõ nét và rất chậm.

Nguyên nhân chủ yếu do nguồn vốn đầu tư chủ yếu tập trung ở những địa bàn trọng điểm, có công nghiệp phát triển mạnh như Biên Hòa, Long Thành, Nhơn Trạch, Trảng Bom, các dự án sử dụng nhiều lao động vẫn tiếp tục được thu hút đầu tư tại địa bàn công nghiệp phát triển mạnh, chưa giới thiệu về cho các địa bàn có công nghiệp chậm phát triển như Cẩm Mỹ, Thống Nhất, Định Quán, Tân Phú, Xuân Lộc, trong khi đó các địa phương này cần thu hút đầu tư thì lại rất hiếm nhà đầu tư đến. Trong đó:

+ Khu vực FDI: Tỷ trọng vốn đăng ký đầu tư khu vực FDI vào các địa phương công nghiệp chậm phát triển chiếm rất thấp, đến năm 2013 chỉ chiếm 0,6% trong tổng vốn đăng ký FDI vào ngành công nghiệp tại các KCN toàn tỉnh, trong cả giai đoạn 2011-2013 chỉ thu hút được 2 dự án đầu tư FDI, làm cho cơ cấu vốn đăng ký đầu tư FDI khu vực này có xu hướng giảm từ 0,7% giai đoạn từ năm 2010 trở về trước xuống còn 0,4% giai đoạn 2011-2013.

+ Đối với khu vực đầu tư trong nước, cơ cấu vốn đăng ký đầu tư có sự chuyển dịch theo hướng tích cực hơn, từ chiếm 2,4% giai đoạn từ năm 2010 trở về trước tăng lên 14,9% trong giai đoạn 2011-2013.

Điều này đã gây áp lực phát triển công nghiệp tại 04 địa bàn thành phố Biên Hòa, huyện Nhơn Trạch, Long Thành, Trảng Bom rất lớn, nhất là sự thiếu hụt lớn về nguồn lao động, các doanh nghiệp sẽ cạnh tranh gay gắt về nhân công, làm giảm khả năng cạnh tranh của ngành hàng trong tiến trình hội nhập, trong khi các địa bàn công nghiệp chậm phát triển vẫn chưa thu hút được các dự án đầu tư mới.

- Trong quá trình tổ chức triển khai các chính sách đến doanh nghiệp còn gặp khó khăn, đó là nhận thức của doanh nghiệp trong việc đăng ký hỗ trợ các chính sách của nhà nước chưa cao, rất nhiều doanh nghiệp không chịu khó tìm hiểu cơ chế hỗ trợ, cũng không cần biết khả năng, năng lực của đơn vị có triển khai được nội dung công việc đã đề ra, cứ thấy hỗ trợ là đăng ký, khi cơ quan được giao nhiệm vụ liên lạc, thực hiện hồ sơ thủ tục hỗ trợ cho doanh nghiệp lại không triển khai được, gây lãng phí thời gian và công sức.

- Trong quá trình phát triển CNHT còn tồn tại một số vấn đề sau:

+ Các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh chủ yếu là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, chiếm tỷ trọng lớn cả về số lượng và quy mô sản xuất.

+ Thiếu sự liên kết chặt chẽ và rộng rãi giữa các doanh nghiệp CNHT với nhau, giữa các thành phần kinh tế, nhất là giữa các doanh nghiệp trong nước và đầu tư nước ngoài.

+ Chính sách khuyến khích phát triển CNHT tuy đã được hình thành, nhưng còn chung chung, chưa thật sự có những ưu tiên, khuyến khích phát triển đối với các ngành CNHT.

- Đối tác thu hút đầu tư nước ngoài trên địa bàn thời gian qua còn thiếu tính đa dạng: cơ cấu vốn đăng ký đầu tư vào ngành công nghiệp chủ yếu là các nhà đầu tư đến từ châu Á (Hàn Quốc, Đài Loan, Nhật Bản, Trung Quốc, Singapore, Malaixia, Thái Lan), cơ cấu vốn đăng ký đầu tư của các nước này vào ngành công nghiệp tại các khu công nghiệp toàn tỉnh chiếm 76,13% trong cơ cấu vốn đăng ký đầu tư FDI trên địa bàn tỉnh. Điều này phần nào phản ánh cơ cấu về đối tác đầu tư nước ngoài tại Đồng Nai còn thiếu tính đa dạng, cơ cấu vốn đăng ký đầu tư thuộc khu vực Châu Âu, Châu Mỹ trên địa bàn tỉnh còn chiếm tỷ trọng rất nhỏ. Điều này cho thấy khả năng vận động, xúc tiến đầu tư của tỉnh đối với các khu vực này còn hạn chế, ảnh hưởng đến kết quả thu hút các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ nguồn, có hàm lượng chất xám, khoa học cao...

- Khu vực đầu tư trong nước hầu hết có quy mô vừa và nhỏ, xuất phát điểm về vốn, công nghệ còn rất thấp, nên khả năng trang bị và đầu tư công nghệ hạn chế, dẫn đến năng suất lao động thấp, chất lượng sản phẩm không cao. Kết quả là đa phần các doanh nghiệp này chỉ đảm nhận các hoạt động như thực hiện gia công, đóng gói, sơ chế,... những công việc khá là đơn giản không đòi hỏi công nghệ cao, giá trị gia tăng thấp. Phần lớn các chủ doanh nghiệp khu vực này cũng gặp nhiều khó khăn trong công tác quản lý và đặc biệt là do không được đào tạo về quản lý doanh nghiệp cũng như không nhận được tư vấn pháp lý thường xuyên, đây là rào cản làm cho quá trình chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng trong thời gian qua còn chậm, không được như mong muốn.

- Công tác quy hoạch và triển khai quy hoạch, đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp còn chậm, chưa thực sự tạo điều kiện về mặt bằng sản xuất cho nhà đầu tư thực hiện sản xuất công nghiệp.

+ Trong quá trình rà soát quy hoạch cụm công nghiệp, trong 27 cụm công nghiệp mà Sở Công Thương đề xuất tiếp tục triển khai theo quy hoạch thì mới chỉ có 2 cụm công nghiệp cơ bản hoàn chỉnh hạ tầng, 10 cụm đã có chủ đầu tư thì chỉ có 1 cụm công nghiệp Phú Cường đang triển khai xây dựng hạ tầng, 09 cụm còn lại đều chậm triển khai, 15 cụm chưa có chủ đầu tư.

+ Theo nội dung Chương trình chuyển dịch cơ cấu công nghiệp giai đoạn 2011-2015, có đề ra chính sách hỗ trợ cho 5 huyện có công nghiệp chậm phát triển (Tân Phú, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Thống Nhất, Định Quán), mỗi huyện hoàn thành việc xây dựng hạ tầng 1 cụm công nghiệp để ưu tiên thu hút các dự án đầu tư sử dụng nhiều lao động như dệt may giày dép, chế biến gỗ, dự án sử dụng nguồn nguyên liệu tại chỗ như chế biến nông sản thực phẩm, để chuyển dịch dần các dự án này thuộc 4 địa bàn có công nghiệp phát triển mạnh sang các địa phương này. Tuy nhiên đến nay chỉ mới triển khai được 1 cụm công nghiệp Phú Cường trên địa bàn huyện Định Quán, nguyên nhân do: cụm Hưng Lộc - huyện Thống Nhất đang vướng chuyển đổi chủ đầu tư như, cụm công nghiệp Phú Thanh huyện Tân Phú vướng thủ tục thành lập cụm công nghiệp (về việc này Sở Công Thương đã có Tờ trình số 1730/TTr-SCT ngày 21/8/2013 trình UBND tỉnh về việc thành lập cụm công nghiệp Phú Thanh nhưng đến nay Sở Công Thương chưa nhận được sự chỉ đạo nào của cấp có thẩm quyền), cụm công nghiệp các địa bàn huyện Cẩm Mỹ, Xuân Lộc chưa có chủ đầu tư.

- Việc đưa công nghệ sạch, công nghệ thân thiện môi trường vào các ngành công nghiệp cũng chưa được triển khai vì hiện nay chưa có tiêu chuẩn, quy chuẩn về công nghệ sạch, công nghệ thân thiện môi trường để áp dụng cho các ngành công nghiệp. Về vấn đề này, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Công Thương chủ trì phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài nguyên và Môi trường, các bộ ngành địa phương liên quan thực hiện xây dựng “Dự án hoàn thiện cơ chế chính sách, xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, lộ trình áp dụng công nghệ sạch cho các ngành công nghiệp trọng điểm” trong thời gian 2014-2020 tại Quyết định số 2612/QĐ-TTg ngày 30/12/2013.

- Công tác triển khai sản xuất sạch hơn trong các ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh thời gian qua cũng chỉ mới dừng lại ở mức tuyên truyền nâng cao nhận thức và tập huấn nâng cao năng lực áp dụng sản xuất sạch hơn cho một số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

3. Kiến nghị

a) Theo kế hoạch năm 2013, Ban Chỉ đạo Chương trình có đề ra nhiệm vụ là xây dựng Quy chế xét chọn và tôn vinh danh hiệu, trao giải thưởng cho doanh nhân, doanh nghiệp tiêu biểu thuộc ngành công nghiệp mũi nhọn trên địa bàn tỉnh trên cơ sở vận dụng Quyết định số 51/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý tổ chức xét tôn vinh danh hiệu và trao giải thưởng cho doanh nhân và doanh nghiệp.

Tuy nhiên, theo ý kiến Sở Nội vụ, Sở Tư pháp đề nghị Sở Công Thương phối hợp với Sở Nội vụ có kế hoạch xét khen thưởng cho doanh nhân, doanh nghiệp thuộc ngành mình theo các tiêu chí tại Quyết định số 30/2013/QĐ-UBND của UBND tỉnh ban hành Quy định tiêu chuẩn, trình tự xét chọn, khen thưởng và tôn vinh danh hiệu “Doanh nghiệp xuất sắc”, “Doanh nhân xuất sắc” trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Do đó, kính đề nghị UBND tỉnh chấp thuận cho Sở Công Thương chuyển đổi việc xây dựng “Quy chế xét chọn và tôn vinh danh hiệu, trao giải thưởng cho doanh nhân, doanh nghiệp tiêu biểu thuộc ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai” từ hình thức văn bản quy phạm pháp luật sang hình thức Hướng dẫn liên ngành của Sở Công Thương và Sở Nội vụ “về việc xét chọn và tôn vinh danh hiệu, trao giải thưởng cho doanh nhân, doanh nghiệp tiêu biểu thuộc ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp có giá trị gia tăng cao trên địa bàn tỉnh Đồng Nai”.

b) Kiến nghị UBND tỉnh chỉ đạo Ban Quản lý các khu công nghiệp thường xuyên triển khai đến các nhà đầu tư hạ tầng khu công nghiệp về định hướng thu hút đầu tư đối với các dự án ngành công nghiệp đầu tư vào khu công nghiệp. Cụ thể:

- Đối với các địa bàn Biên Hoà, thị xã Long Khánh, các huyện Long Thành, Nhơn Trạch, Trảng Bom, Vĩnh Cửu: ưu tiên thu hút các ngành công nghiệp kỹ thuật cao, các ngành công nghiệp tạo ra sản phẩm có hàm lượng công nghệ và có giá trị gia tăng cao, công nghiệp sạch.

- Đối với các địa bàn huyện còn lại: ưu tiên thu hút các dự án đầu tư sử dụng nhiều lao động, sử dụng nguồn nguyên liệu từ nông nghiệp như công nghiệp dệt may giày dép, công nghiệp chế biến gỗ, công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm.

c) Kiến nghị UBND tỉnh chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư tăng cường xúc tiến thu hút đầu tư các dự án thuộc khu vực Châu Âu, Châu Mỹ, trong đó ưu tiên thu hút nhóm ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp có giá trị gia tăng cao.

d) Kiến nghị Sở Tài chính xem xét, cân đối nguồn hỗ trợ kinh phí đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp Phú Cường (giai đoạn 2) theo nội dung hỗ trợ của

Chương trình chuyển dịch cơ cấu đã được UBND tỉnh quy định tại Quyết định số 51/2011/QĐ-UBND ngày 06/8/2014.

Trên đây là nội dung báo cáo kết quả triển khai thực hiện Chương trình chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh năm 2013, kính báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Thành viên BCD;
- Thành viên TCV;
- Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh
- Lưu: VT, CNN.

TRƯỞNG BAN



PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Phan Thị Mỹ Thanh

PHỤ LỤC 1:
CƠ CẤU GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP (GO)
PHÂN THEO NHÓM NGÀNH CÔNG NGHIỆP MŨI NHỌN, CÔNG NGHIỆP ƯU TIÊN
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI GIAI ĐOẠN 2011-2013

GTSXCN- Giá TT (Tỷ đồng)	Thực hiện 2010	Thực hiện 2011	Thực hiện 2012	Thực hiện 2013	Cơ cấu (%)		Tăng trưởng
					2010	2013	
Ngành CN Toàn tỉnh	325.690	442.538	519.982	604.219	100,0	100,0	16,8
I. Nhóm ngành CN mũi nhọn	119.706	171.580	201.213	238.693	36,8	39,5	17,9
Điện - Điện tử	34.462	48.403	57.044	66.123	10,6	10,9	16,9
Cơ khí	46.275	69.797	80.946	100.949	14,2	16,7	20,3
Hóa chất, cao su, plastic	38.969	53.380	63.223	71.620	12,0	11,9	15,8
II. Nhóm ngành CN ưu tiên	205.984	270.958	318.770	365.527	63,2	60,5	16,1
Chế biến NSTP	74.971	105.182	123.407	140.003	23,0	23,2	15,4
Dệt, may, giày, dép	74.014	104.520	124.009	146.120	22,7	24,2	18,2
Chế biến gỗ	21.454	30.406	36.053	40.511	6,6	6,7	15,4
Khai khoáng và SX VLXD	13.316	16.429	20.012	23.288	4,1	3,9	19,1
Sx giấy, sp từ giấy	7.004	8.600	10.176	9.599	2,2	1,6	5,6
CN CB chế tạo khác	10.578				3,2		
Điện nước	4.647	5.820	5.113	6.006	1,4	1,0	1,6

Nguồn: Cục Thống kê Đồng Nai

PHỤ LỤC 2:
TĂNG TRƯỞNG GIÁ TRỊ TĂNG THÊM (VA)
PHÂN THEO NHÓM NGÀNH CÔNG NGHIỆP MŨI NHỌN, CÔNG NGHIỆP ƯU TIÊN
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI GIAI ĐOẠN 2011-2013

Giá trị gia tăng	Thực hiện 2011 (Tỷ đồng)	Thực hiện 2012 (Tỷ đồng)	Thực hiện 2013 (Tỷ đồng)	Tăng trưởng BQ 2011-2013 (%)	Ghi chú
Ngành CN Toàn tỉnh	54.151	65.740	76.738	19,0	
I. Nhóm ngành CN mũi nhọn	18.891	23.106	27.159	19,9	
Điện - Điện tử	5.091	6.249	7.389	20,5	
Cơ khí	7.340	8.930	10.976	22,3	
Hóa chất, cao su, plastic	6.460	7.926	8.795	16,7	
II. Nhóm ngành CN ưu tiên	35.260	42.635	49.579	18,6	
Chế biến NSTP	17.332	20.308	23.420	16,2	
Dệt, may, giày, dép	10.358	13.081	15.601	22,7	
Chế biến gỗ	2.873	3.510	3.946	17,2	
Khai khoáng và SX VLXD	2.174	3.402	4.023	36,0	
Sx giấy, sp từ giấy	526	670	626	9,1	
Điện nước	1.997	1.663	1.963	-0,9	

Nguồn: Cục Thống kê Đồng Nai

PHỤ LỤC 3:
TỶ LỆ VA/GO PHÂN THEO NHÓM NGÀNH CÔNG NGHIỆP MŨI NHỌN, CÔNG NGHIỆP ƯU TIÊN
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI GIAI ĐOẠN 2011-2013

VA/GO	Thực hiện 2011	Thực hiện 2012	Thực hiện 2013	Ghi chú
Ngành CN Toàn tỉnh	12,24	12,64	12,70	
I. Nhóm ngành CN mũi nhọn	11,01	11,48	11,38	
Điện - Điện tử	10,52	10,95	11,17	
Cơ khí	10,52	11,03	10,87	
Hóa chất, cao su, plastic	12,10	12,54	12,28	
II. Nhóm ngành CN ưu tiên	13,01	13,37	13,56	
Chế biến NSTP	16,48	16,46	16,73	
Dệt, may, giày, dép	9,91	10,55	10,68	
Chế biến gỗ	9,45	9,74	9,74	
Khai khoáng và SX VLXD	13,23	17,00	17,27	
Sx giấy, sp từ giấy	6,12	6,58	6,53	

Nguồn: Cục Thống kê Đồng Nai

PHỤ LỤC 4:
TỔNG HỢP VỐN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ KHU VỰC FDI
PHÂN THEO NGÀNH CÔNG NGHIỆP TẠI CÁC KCN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
(Lũy kế đến tháng 31/12/2013)

Nhóm ngành	Giai đoạn từ năm 2010 trở về trước			Giai đoạn 2011-2013			Năm 2013			Lũy kế đến 31/12/2013			
	Số DA đầu tư	Vốn đăng ký (tỷ USD)	Cơ cấu (%)	Số DA đầu tư	Vốn đăng ký (tỷ USD)	Cơ cấu (%)	Số DA đầu tư	Vốn đăng ký (tr USD)	Cơ cấu (%)	Số DA đầu tư	Vốn đăng ký (tỷ USD)	Cơ cấu (%)	Vốn BQ/DA (Tr USD/DA)
TỔNG	741	13,90	100,0	158	1,84	100,0	72,0	693,91	100,0	899,0	15,7	100	17,5
I. Nhóm CN mũi nhọn	453	5,84	42,0	74	1,15	62,6	32	368,77	53,1	527,0	7,0	44,4	13,3
Cơ khí	224	2,59	18,6	43	0,98	53,4	22	318,00	45,8	267,0	3,6	22,7	13,4
Điện - điện tử	49	1,22	8,8	12	0,08	4,4	2	3,90	0,6	61,0	1,3	8,3	21,4
Hoá chất, csu, plastic	180	2,03	14,6	19	0,09	4,8	8	46,87	6,8	199,0	2,1	13,4	10,6
II. Nhóm CN ưu tiên	288	8,06	58,0	84	0,69	37,4	40	325,14	46,9	372,0	8,7	55,6	23,5
Chế biến gỗ	44	0,43	3,1	6	0,01	0,5	3	3,10	0,4	50,0	0,4	2,8	8,8
Chế biến NSTP	37	1,23	8,8	16	0,24	13,1	8	52,99	7,6	53,0	1,5	9,3	27,7
CN CB, chế tạo khác	30	0,37	2,6	21	0,25	13,8	10	146,32	21,1	51,0	0,6	3,9	12,1
Dệt, may, giày dép	137	5,33	38,3	31	0,15	8,0	14	96,79	13,9	168,0	5,5	34,8	32,6
Điện - nước	2	0,22	1,6	1	0,00	0,1				3,0	0,2	1,4	73,5
Giấy, sp từ giấy	18	0,13	0,9	5	0,03	1,4	5	25,94	3,7	23,0	0,2	1,0	6,7
Khai thác, SXVLXD	20	0,36	2,6	4	0,01	0,6				24,0	0,4	2,3	15,3

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Ban Quản lý các KCN

PHỤ LỤC 5:
TỔNG HỢP VỐN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ KHU VỰC TRONG NƯỚC
PHÂN THEO NGÀNH CÔNG NGHIỆP TẠI CÁC KCN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
(Lũy kế đến tháng 31/12/2013)

Nhóm ngành	Giai đoạn từ năm 2010 trở về trước			Giai đoạn 2011-2013			Năm 2013			Lũy kế đến 31/12/2013			
	Số DA đầu tư	Vốn đăng ký (tỷ VNĐ)	Cơ cấu (%)	Số DA đầu tư	Vốn đăng ký (tỷ VNĐ)	Cơ cấu (%)	Số DA đầu tư	Vốn đăng ký (tỷ VNĐ)	Cơ cấu (%)	Số DA đầu tư	Vốn đăng ký (tỷ VNĐ)	Cơ cấu (%)	Vốn BQ/DA (tỷ VNĐ/DA)
TỔNG	229	16.477	100	32	5.131	100	12	1.546	100	261	21.609	100	83
I. Nhóm CN mũi nhọn	98	8.188	49,7	14	2.330	45,4	6	1.130	73,1	112	10.518	48,7	94
Cơ khí	43	4.930	29,9	7	1.013	19,7	2	114	7,4	50	5.943	27,5	119
Điện - điện tử	18	1.682	10,2	2	250	4,9	3	916	59,3	20	1.932	8,9	97
Hoá chất, csu, plastic	37	1.576	9,6	5	1.066	20,8	1	100	6,5	42	2.643	12,2	63
II. Nhóm CN ưu tiên	131	8.289	50,3	18	2.802	54,6	6	416	26,9	149	11.091	51,3	74
Chế biến gỗ	22	448	2,7	4	101	2,0	2	56	3,6	26	549	2,5	21
Chế biến NSTP	27	2.822	17,1	3	150	2,9	1	80	5,2	30	2.972	13,8	99
Dệt, may, giày dép	13	476	2,9	4	310	6,0	3	280	18,1	17	786	3,6	46
Giấy, sp từ giấy	16	458	2,8	1	50	1,0				17	508	2,4	30
Khai thác, SXVLXD	39	2.818	17,1	5	1.785	34,8				44	4.603	21,3	105
CN CB, chế tạo khác	6	6	0,0	0	0	0,0				6	6	0,0	1
Điện - nước	8	1.261	7,7	1	406	7,9				9	1.667	7,7	185

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Ban Quản lý các KCN

PHỤ LỤC 6:
TỔNG HỢP VỐN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ KHU VỰC FDI
NGÀNH CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ TẠI CÁC KCN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
(Lũy kế đến tháng 31/12/2013)

Nhóm ngành	Giai đoạn từ năm 2010 trở về trước			Giai đoạn 2011-2013			Năm 2013			Lũy kế đến 31/12/2013			
	Số DA đầu tư	Vốn đăng ký (tỷ USD)	Cơ cấu (%)	Số DA đầu tư	Vốn đăng ký (tỷ USD)	Cơ cấu (%)	Số DA đầu tư	Vốn đăng ký (tr USD)	Cơ cấu (%)	Số DA đầu tư	Vốn đăng ký (tỷ USD)	Cơ cấu (%)	Vốn BQ/DA (Tr USD/DA)
TỔNG	228	6,75	100	37	0,526	100	20	0,382	100	265	7,27	100	27,4
CNHT - cơ khí chế tạo	14	0,18	2,7	2	0,001	0,2	2	0,001	0,3	16	0,18	2,5	11,5
CNHT - Da giày	41	1,11	16,5	8	0,027	5,1	2	0,013	3,4	49	1,14	15,7	23,3
CNHT - Dệt may	65	3,89	57,7	12	0,142	27,1	7	0,078	20,5	77	4,03	55,4	52,4
CNHT - Điện tử	17	0,44	6,5	4	0,039	7,4	2	0,004	1,0	21	0,47	6,5	22,6
CNHT - ô tô	91	1,12	16,7	11	0,316	60,2	7	0,286	74,8	102	1,44	19,8	14,1

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Ban Quản lý các KCN

PHỤ LỤC 7:
TỔNG HỢP VỐN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ KHU VỰC FDI VÀO NGÀNH CÔNG NGHIỆP
TẠI CÁC KCN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÂN THEO ĐỊA BÀN
(Lũy kế đến tháng 31/12/2013)

Nhóm ngành	Giai đoạn từ năm 2010 trở về trước			Giai đoạn 2011-2013			Năm 2013			Lũy kế đến 31/12/2013			
	Số DA đầu tư	Vốn đăng ký (tỷ USD)	Cơ cấu (%)	Số DA đầu tư	Vốn đăng ký (tỷ USD)	Cơ cấu (%)	Số DA đầu tư	Vốn đăng ký (tr USD)	Cơ cấu (%)	Số DA đầu tư	Vốn đăng ký (tỷ USD)	Cơ cấu (%)	Vốn BQ/DA (Tr USD/DA)
TỔNG	741	13,897	100,0	158	1,839	100,0	72	0,694	100,0	898	15,732	100	17,5
Biên Hòa	325	5,249	37,77	50	0,429	23,3	16	0,060	8,6	375	5,678	36,1	15,1
Định Quán	3	0,003	0,02							3	0,003	0,0	1,1
Long Khánh	3	0,021	0,15	2	0,007	0,4	1	0,002	0,3	5	0,028	0,2	5,5
Long Thành	79	1,385	9,97	42	1,006	54,7	22	0,486	70,0	121	2,391	15,2	19,8
Nhon Trạch	194	5,781	41,60	48	0,321	17,4	26	0,110	15,9	242	6,101	38,8	25,2
Thông Nhất	1	0,015	0,11							1	0,015	0,1	15,0
Trảng Bom	132	1,196	8,61	13	0,068	3,7	5	0,032	4,6	145	1,264	8,0	8,7
Vĩnh Cửu	3	0,167	1,20	1	0,001	0,1	1	0,001	0,1	4	0,168	1,1	42,0
Xuân Lộc	1	0,080	0,58	1	0,004	0,2	1	0,004	0,5	2	0,084	0,5	41,8
Tân Phú				1	0,004	0,2							

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Ban Quản lý các KCN

PHỤ LỤC 8:
TỔNG HỢP VỐN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ KHU VỰC TRONG NƯỚC
TẠI CÁC KCN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÂN THEO ĐỊA BÀN
(Lũy kế đến tháng 31/12/2013)

Nhóm ngành	Giai đoạn từ năm 2010 trở về trước			Giai đoạn 2011-2013			Năm 2013			Lũy kế đến 31/12/2013			
	Số DA đầu tư	Vốn đăng ký (tỷ VNĐ)	Cơ cấu (%)	Số DA đầu tư	Vốn đăng ký (tỷ VNĐ)	Cơ cấu (%)	Số DA đầu tư	Vốn đăng ký (tỷ VNĐ)	Cơ cấu (%)	Số DA đầu tư	Vốn đăng ký (tỷ VNĐ)	Cơ cấu (%)	Vốn BQ/DA (tỷ VNĐ/DA)
TỔNG	229	16.477	100,0	32	5.131	100,0	12	1.546	100,0	261	21.609	100	83
Biên Hòa	102	6.603,3	40,1	8	626	12,2	3	236	15,2	110	7.229	33,5	66
Định Quán	12	340,0	2,1	1	45	0,9				13	385	1,8	30
Long Khánh	2	65,4	0,4	2	45	0,9				4	110	0,5	28
Long Thành	16	1.037,1	6,3	4	753	14,7	3	437	28,3	20	1.790	8,3	90
Nhơn Trạch	68	7.628,1	46,3	12	2.849	55,5	3	120	7,8	80	10.477	48,5	131
Thống Nhất	1	49,8	0,3	2	718	14,0	2	718	46,4	3	768	3,6	256
Trảng Bom	23	708,7	4,3	3	96	1,9	1	36	2,3	26	805	3,7	31
Vĩnh Cửu	5	44,9	0,3							5	45	0,2	9

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Ban Quản lý các KCN